

Áp dụng mô hình kim cương đo lường hành vi gian lận thuế nhập khẩu: Nghiên cứu trường hợp tại Cục Hải quan tỉnh Long An

Vũ Sơn Tùng^(*) • Trần Thanh Phong

Ngày nhận bài: 17/01/2022 | Biên tập xong: 02/5/2022 | Duyệt đăng: 10/5/2022

TÓM TẮT: Nghiên cứu này nhằm xác định và đánh giá mức ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến hành vi gian lận thuế (GLT) nhập khẩu. Dữ liệu nghiên cứu bao gồm 486 phần tử từ các tổ chức kinh doanh có hoạt động nhập khẩu hàng hóa từ ba tỉnh Bến Tre, Tiền Giang và Long An. Nhóm tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu dựa vào lý thuyết viên kim cương gian lận. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu định tính (điều chỉnh thang đo) và định lượng (kiểm định mô hình) bằng các công cụ như Cronbach's Alpha, phân tích CFA và SEM. Kết quả cho thấy, tất cả các giả thuyết đều có ý nghĩa thống kê. Từ kết quả nghiên cứu này, các hàm ý về chính sách cũng được đề xuất.

TỪ KHÓA: Gian lận, hải quan, thuế nhập khẩu, viên kim cương gian lận.

Mã phân loại JEL: M21, G40, M29.

1. GIỚI THIỆU

Thực tế chứng minh rằng, thuế ra đời cùng với sự phát triển xã hội và cũng mật thiết gắn liền với sự ra đời, cũng như quá trình tồn tại của mỗi nhà nước. Trong hệ thống thuế nói chung, thuế xuất nhập khẩu (XNK) là một trong những sắc thuế quan trọng, vừa là nguồn thu quan trọng cho ngân sách và cũng là công cụ để điều tiết sản xuất trong nước, đồng thời cũng là đòn bẩy thúc đẩy kinh tế. Thuế XNK trong hệ thống thuế của Việt Nam được coi là sắc thuế quan trọng và một trong những nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN). Chính vì vậy, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm hoàn

thiện chính sách và cơ chế quản lý thuế XNK để đáp ứng yêu cầu nguồn thu ngân sách cũng như điều tiết nền kinh tế vĩ mô và cả trong quan hệ đối ngoại, tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài không phân biệt đối xử và góp phần vào bình ổn kinh tế-xã hội.

^(*) **Vũ Sơn Tùng** - Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng; 215 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; **Email:** tungvs@hiu.vn.

Hành vi GLT là việc lợi dụng những kẽ hở của luật pháp, với những thủ đoạn khác nhau với mục đích để thay đổi hoặc làm giảm nghĩa vụ phải nộp thuế hoặc để hưởng những đặc quyền không chính đáng về mặt lợi ích từ việc giảm thuế. Việc này tạo ra sự không công bằng giữa các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh và làm cho các tổ chức, doanh nghiệp không tin vào các chính sách về thuế của quốc gia. Mục đích xa nhất GLT là tối đa hóa lợi nhuận cũng như gián tiếp làm tăng thu nhập cho công ty hoặc đem lợi ích về cho cá nhân hay tổ chức. Ngoài ra tối thiểu hóa các khoản thuế mà các tổ chức kinh doanh phải nộp cho NSNN bằng cách tối thiểu hóa chi phí thuế. GLT sẽ làm giảm số thuế phải nộp và gây thất thu nghiêm trọng cho NSNN, giảm phúc lợi xã hội. Thực tế, với sự phát triển về số lượng và chủng loại hàng hóa XNK, chính sách, pháp luật thuế chưa điều chỉnh kịp với thực trạng xã hội dẫn đến tình trạng trốn thuế, GLT là một tất yếu.

Việt Nam là một quốc gia trong quá trình chuyển đổi hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh do vậy vấn nạn về thuế là một tất yếu. Theo thống kê của Trường Đại học Oxford, “trong năm 2005, tỷ lệ mức thuế mà nhà nước thu được trên GDP của các nước phát triển đạt 35%, trong khi ở các nước đang phát triển, con số này chỉ khoảng 15% và ở các nước nghèo nhất thì chỉ đạt 12%” (Nguyễn Huy Hoàng, 2020). GLT không những chỉ ảnh hưởng đến nguồn thu của NSNN mà còn có ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và kinh tế-xã hội,... Một khi xảy ra thất thu thuế thì chứng tỏ công cụ quản lý thuế giảm tác dụng, từ đó tác động đến quan hệ thương mại của quốc gia. Xuất phát từ nhu cầu thực tế và nhu cầu phòng chống GLT hiện nay, khi nền kinh tế của nước ta không ngừng chuyển động, việc giao thương với các quốc gia khác nhau càng được chú trọng (HILAP, 2018).

Cục Hải quan tỉnh Long An là đơn vị trực thuộc Tổng cục Hải quan, là đơn vị được phân

công quản lý nhà nước về hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan trên địa bàn ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Bến Tre. Với nhiệm vụ quản lý thuế XNK, trong những năm qua, Cục Hải quan tỉnh Long An đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại như: tình trạng trốn thuế, nợ đọng thuế và gian lận thương mại còn khá phổ biến. Qua thống kê hoạt động thanh tra, kiểm tra sau thông quan, kiểm tra báo cáo quyết toán, kiểm soát việc thực thi pháp luật về thuế đối với hàng hóa XNK thông qua Cục Hải quan tỉnh Long An, số thuế thất thu có giảm qua các năm nhưng số tuyệt đối không phải là nhỏ (Bảng 1). Do vậy, việc nghiên cứu hành vi GLT nhập khẩu là vấn đề cần thiết.

Bảng 1: Thống kê số tiền thuế truy thu do gian lận

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	Số tiền thuế truy thu thu được
2018	64,20
2019	29,82
2020	24,38
Tổng	118,40

Nguồn: Tổng hợp báo cáo qua các năm.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình

2.1. Khái niệm về hành vi gian lận thuế

Theo Nghị định 100/2004/NĐ-CP ngày 25/02/2004 về vi phạm và xử lý trong lĩnh vực thuế có nêu: “Hành vi trốn thuế là hành vi của cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định của pháp luật về thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm. Số tiền thuế trốn là số tiền thuế được phát hiện thêm ngoài số liệu kê khai trên tờ khai thuế, quyết toán thuế hoặc ngoài sổ kế toán. Số thuế trốn để xem xét xử phạt hành chính không xét đến chính sách ưu đãi về thuế, không bù trừ vào số thuế được khấu

trừ, được hoàn hoặc số tiền lỗ của đối tượng nộp thuế”.

Lê Xuân Trường & Nguyễn Đình Chiến (2013) đã tổng kết các hành vi GLT cụ thể như sau: (i) Bỏ ngoài sổ sách kế toán: đây là thủ đoạn khá phổ biến hiện nay. Theo đó, người nộp thuế thường sử dụng đồng thời hai hệ thống sổ sách kế toán, một hệ thống sổ kế toán nội bộ phản ánh đầy đủ các giao dịch kinh tế, hệ thống kế toán còn lại chỉ phản ánh một phần các giao dịch kinh tế để khai thuế; (ii) Tạo giao dịch bán hàng giả mạo: Mục tiêu của thủ đoạn tạo giao dịch bán hàng giả mạo là chiếm đoạt tiền NSNN thông qua hoàn thuế hoặc tiếp tay cho hành vi tham nhũng của một bộ phận công chức được giao nhiệm vụ mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan nhà nước; (iii) Ghi giá bán thấp hơn giá thực tế: Hành vi này được gọi là down giá. Đây là hành vi ghi giá bán trên hóa đơn và kê khai doanh thu tính thuế thấp hơn giá khách hàng thực tế thanh toán. Hành vi gian lận này làm giảm thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, gây ảnh hưởng không nhỏ đến số thu ngân sách hàng năm; và (iv) Hạch toán kế toán và kê khai thuế sai quy định: Mục tiêu chủ yếu của hành vi hạch toán kế toán sai quy định pháp luật là che giấu doanh thu tính thuế, hạch toán tăng chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ”.

2.2. Mô hình hành vi gian lận

Cressey là nhà nghiên cứu về tội phạm học. Trong năm 1950, trong nghiên cứu của ông ta về nguyên nhân đưa đến việc phạm tội. Theo quan điểm của Cressey (1953), hành vi một người nào đó chịu tác động bởi ba yếu tố: (1) Áp lực, tức là động cơ thúc đẩy gian lận phát sinh khi một ai đó hay tổ chức bị thúc ép. Áp lực có thể là những khó khăn, những bế tắc trong đời sống cá nhân hay những bức bách về tài chính trong quá trình kinh doanh, ... Một người khi đã bị những động cơ này thúc ép, họ

luôn sẵn sàng hành động khi họ nhận thấy (2) Cơ hội đã đến. Nếu việc việc thực hiện hành vi này quá dễ thuận lợi vì không có biện pháp ngăn chặn hay những ngăn ngừa này không hiệu quả, hoạt động kiểm soát thanh tra không hữu hiệu. Nếu cơ hội mang tới trước mắt họ thì những kích thích đến tính gian lận là tất yếu. Bên cạnh đó thì yếu tố (3) Hợp lý hóa hành vi là một trong những lý do từ nội tâm có tính quan trọng không kém, điều này để tổ chức, cá nhân ra quyết định cuối cùng về hành vi thực hiện hay không. Hành vi chỉ có thể xảy ra khi đương sự nhận thấy rằng có đủ khả năng lý giải cho hành động sai trái này.

So với Cressey (1987), Wolfe & Hermanson (2004) đề xuất một nhân tố rất quan trọng là “Khả năng thực hiện hành vi”. Đây chính điều kiện dẫn đến kết quả của hành vi trong tổ chức hay cá nhân trước những thúc đẩy áp lực. Một hành vi gian lận từ khi hình thành, đến khi kết thúc kéo dài cả một quá trình. Vì thế, để thực hiện hành vi đó cần cá nhân người thực hiện phải có kiến thức, kỹ năng nhất định nào đó mới hoàn thành được. Wolfe & ctg (2004) nhận định: “Nhiều vụ gian lận sẽ không xảy ra nếu không người có năng lực phù hợp thực hiện các chi tiết của gian lận”. Họ cũng đề xuất bốn yêu cầu khi người thực hiện hành vi có thể thực hiện được là: (i) Quyển hạn trong tổ chức; (ii) Năng lực hiểu biết và có khả năng khai thác hệ thống kế toán và các hạn chế của bộ phận kiểm soát nội bộ; (iii) Tự tin họ có khả năng che dấu, không bị phát hiện hoặc nếu bị phát hiện, họ sẽ thoát khỏi nó một cách dễ dàng; và (iv) Khả năng đối phó với căng thẳng tạo ra bên trong một người khi người đó thực hiện hành vi xấu (Kassem & Higson, 2012).

Giai đoạn 1998–2004, họ chứng minh và đưa ra được bốn đặc điểm cơ bản dẫn đến hành vi gian lận được mọi người ủng hộ. Wolfe & ctg (2004) gọi là “viên kim cương gian lận”. Trong mô hình kim cương, đó là sự phát triển từ mô hình tam giác gian lận trong đó một khía cạnh khác được các tác giả này

giới thiệu là “khả năng” (Capability) (Kassem & ctg, 2012). Bốn yếu tố viên kim cương gian lận bao gồm:

(i) **Áp lực:** Áp lực là các yếu tố thúc đẩy cá nhân hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng cho hoạt động đó. Bất kỳ cá nhân nào cũng có nhu cầu về sinh học, nhu cầu tâm lý. Một nhu cầu trở thành áp lực khi nó tăng lên một mức đủ mạnh. Các áp lực có thể bắt nguồn từ những bế tắc trong cuộc sống cá nhân như: những tổn thất về tài chính, sự thiếu hụt tiền bạc, các khoản nợ cá nhân vượt quá tầm kiểm soát. Các áp lực này có thể xuất phát từ những nhu cầu nói chung và nhu cầu lợi ích của bản thân nói riêng. Việc thỏa mãn nhu cầu sẽ làm giảm tình trạng căng thẳng bên trong cá nhân phải chịu đựng.

(ii) **Cơ hội:** Cơ hội là cánh cửa để cá nhân thực hiện hành vi gian lận. Một khi đã có nhiều áp lực hay động cơ thúc đẩy mà không có hoạt động kiểm soát thì lúc đó cơ hội đã đến, khi đó ắt hẳn hành vi gian lận sẽ được thực hiện. Nếu việc gian lận quá dễ dàng do không có biện pháp ngăn chặn hay có biện pháp ngăn chặn nhưng hoạt động kiểm soát không hữu hiệu, cơ hội bày ra trước mắt họ thì khả năng đưa đến gian lận là điều không thể tránh khỏi.

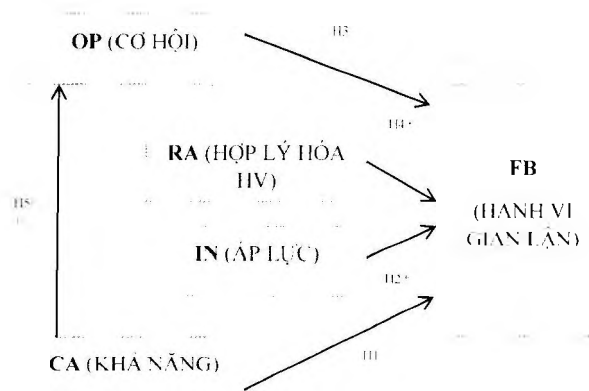
(iii) **Hợp lý hóa hành vi:** Luôn là một thành phần quan trọng của hầu hết các gian lận bởi vì hầu hết những người có hành vi gian lận có khả năng biện minh hay có khả năng hợp lý hóa cho hành vi gian lận của mình với những lý do để được chấp nhận là hành động đúng. Hợp lý hóa hành vi gian lận cũng là yếu tố quan trọng không thể thiếu được để một người gian lận hoàn thành các hành vi gian lận của mình. Tâm lý thông thường của con người lần đầu tiên khi thực hiện gian lận, người phạm tội thường tự an ủi rằng, họ sẽ không để chuyện này lặp lại. Nhưng nếu tiếp tục, người thực hiện sẽ không còn băn khoăn và mọi việc diễn ra dễ dàng hơn, dễ được chấp nhận hơn. Hành vi gian lận chỉ xảy ra khi bản

thân người thực hiện cân nhắc và nhận thấy rằng họ có đủ khả năng biện minh cho hành vi của mình. Khả năng che giấu gian lận này bị chi phối khá nhiều bởi tư duy về cách ứng xử hay nhân cách của con người. Mỗi con người đều có cá tính riêng ảnh hưởng đến khả năng hợp lý hóa hành vi của mình, nếu bản thân xem chuyện lừa gạt là bình thường thì họ có xu hướng thực hiện hành vi này. Ngược lại, nếu một người với bản tính trung thực và liêm chính thì dù họ chịu những áp lực và có cơ hội nhưng họ vẫn không thực hiện gian lận (Kassem & ctg, 2012).

(iv) **Khả năng thực hiện hành vi:** Đây là một yếu tố đặt ra nhiều mâu thuẫn trong một cá nhân, trước những áp lực, cơ hội và rủi ro trong công việc. Cá nhân có những đặc điểm và khả năng cần thiết để trở thành người phù hợp để vượt qua nó và nhận ra cơ hội gian lận đặc biệt này và có thể biến nó thành hiện thực. Ví dụ, một người có năng lực, kinh nghiệm công tác một thời gian dài trong một đơn vị nhận định về hành vi gian lận dựa trên các yếu tố như, vị trí hoặc chức vụ trong tổ chức có khả năng tạo ra cơ hội gian lận mà người khác không có. Người đó phù hợp hoặc đủ thông minh để thực hiện hành vi gian lận dựa trên các điểm yếu của kiểm soát nội bộ hoặc những quy định chưa được chặt chẽ của pháp luật và cái cuối cùng là khả năng quyết định của họ có đủ tự tin để làm hay không (Wolfe & ctg, 2004).

2.3. Mô hình nghiên cứu đề nghị và giả thuyết nghiên cứu

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể thiết lập bốn nhân tố trong mô hình viên kim cương đến hành vi gồm: (i) Khả năng thực hiện (Capacity); (ii) Động cơ/áp lực thực hiện (Incentive); (iii) Cơ hội thực hiện (Opportunity); và (iv) Hợp lý hóa hành vi thực hiện (Rationalization). Bên cạnh đó, chính khả năng là điều kiện quan trọng cùng cố cho cơ hội. Đây chính là điều kiện cần thiết



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

tạo điều kiện trợ giúp cho “cơ hội” xuất hiện rõ hơn (Rasha & Andrew, 2012).

Từ đó nhóm tác giả đề xuất mô hình và các giả thuyết sau (Hình 1).

H1: Khả năng thực hiện (CA) có tác động dương đến hành vi gian lận (FB) thuế nhập khẩu.

H2: Áp lực thực hiện (IN) có tác động dương đến hành vi gian lận (FB) thuế nhập khẩu.

H3: Cơ hội thực hiện (OP) có tác động dương đến hành vi gian lận (FB) thuế nhập khẩu.

H4: Hợp lý hóa hành vi (RA) thực hiện có tác động dương đến hành vi (FB) GLTnhập khẩu.

H5: Khả năng thực hiện (CA) có tác động dương đến cơ hội (OP) thực hiện hành vi.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Quy trình nghiên cứu

- Nghiên cứu được thực hiện thông qua hai giai đoạn chính là nghiên cứu sơ bộ (định tính) và nghiên cứu chính thức (định lượng).

Nghiên cứu sơ bộ: Được thực hiện bằng nghiên cứu định tính, với kỹ thuật thảo luận nhóm được sử dụng. Việc này để tinh chỉnh và phát triển bộ thang đo nhằm làm cho nội dung thang đo phù hợp với ngữ cảnh. Sau đó, bảng câu hỏi được phỏng vấn thử với 10 đáp

viên nhằm đánh giá lại mức độ dễ hiểu của các quan sát. Kết quả là các quan sát đều chân phương và dễ hiểu.

- Nghiên cứu chính thức: Được thực hiện lần lượt như sau:

- **Kiểm định độ tin cậy Cronbach' Alpha:** Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 20 để đánh giá độ tin cậy của thang đo được chấp nhận khi hệ số Cronbach's Alpha nằm trong khoảng [0,6-0,95] và hệ số tương quan biến-tổng của biến đo lường $\geq 0,3$ (Nunnally & Bernstein, 1994).

- **Phân tích nhân tố khẳng định CFA:** Phân tích CFA là kiểm định sự phù hợp với thang đo. Phương pháp CFA trong phân tích có nhiều ưu điểm hơn so với phương pháp truyền thống như phân tích tương quan, phân tích nhân tố khám phá (EFA). Phân tích CFA cho phép chúng ta thực hiện kiểm định cấu trúc của các thang đo lường, phân tích này cho phép quan sát quan hệ đồng thời giữa các khái niệm với nhau mà không bị sai lệch do sai số trong đo lường Steenkamp & Van Trijp (1991) (trích trong Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2008). Nhóm tác giả sử dụng các chỉ số Chi-square (CMIN), CMIN/df, GFI, TLI, CFI và RMSEA để đánh giá độ phù hợp của mô hình lý thuyết với dữ liệu thị trường.

- **Kiểm định mô hình SEM:** Nghiên cứu này sử dụng phần mềm AMOS 24 để kiểm định mô hình đề nghị.

3.2. Thang đo và chọn mẫu

Giai đoạn chính thức được thực hiện bằng cách sử dụng phiếu điều tra. Một mẫu thuận tiện gồm 500 được phát ra và thu về hợp lệ 486 phiếu. Đối tượng trả lời là những đáp viên đã từng hoặc đang là nhân viên hoặc chủ doanh nghiệp có các nghiệp vụ khai báo hải quan về thuế nhập khẩu trên địa bàn ba tỉnh Bến Tre, Tiền Giang và Long An trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11/2021. Có bốn khái niệm nghiên cứu là khả năng (CA), cơ hội (OP), động lực (IN) và hành vi gian lận (FB). Tất cả là biến bậc một. Trong đó, CA có bốn quan sát được tham khảo từ thang đo của Nguyen Dinh Tho & Nguyen Thi Mai Trang (2015), Lefebvre & ctg (2011) (trích trong Phạm Tiểu Vy, 2016); thang đo OP và RA đều có bốn quan sát được tham khảo từ Lefebvre và ctg (2011) (trích trong Phạm Tiểu Vy, 2016); thang đo IN có năm quan sát được tham khảo Lefebvre & ctg (2011) (trích trong Phạm Tiểu Vy, 2016).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

• *Nghiên cứu định tính:* Hầu hết các

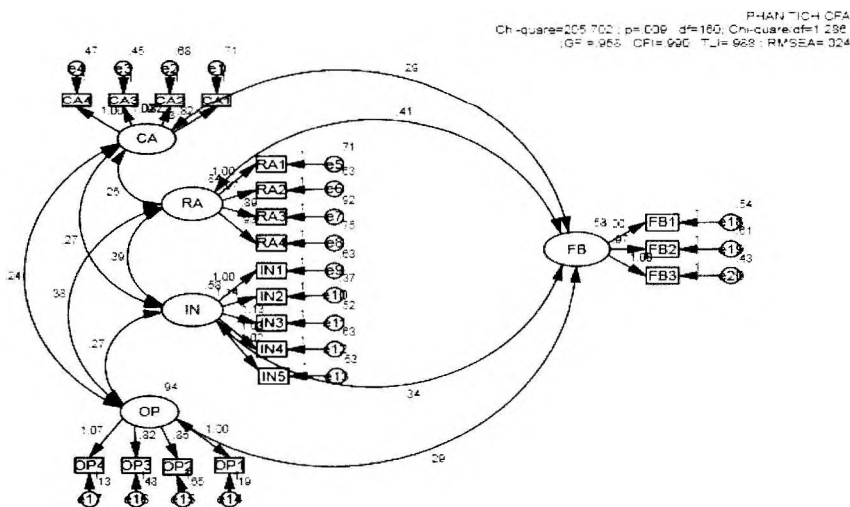
quan sát đều được điều chỉnh từ ngữ cho phù hợp với ngữ cảnh nghiên cứu. Sau khi điều chỉnh xong, tiến hành phỏng vấn thử 10 phần tử mẫu để kiểm tra tính chân phương và độ dễ hiểu của quan sát, tất cả đều thỏa mục tiêu này.

• *Phân tích Cronbach's Alpha:* Kết quả cho thấy hệ số Cronbach's Alpha nằm trong khoảng cho phép (từ 0,6 – 0,95) và hệ số tương quan biến-tổng thỏa mãn ($\geq 0,3$).

• *Phân tích mô hình tối hạn*

Các chỉ số trong mô hình tối hạn có sự thích hợp với dữ liệu thị trường: $\chi^2 [160] = 205,707$ ($p = 0,009$); $Cmin/df=1,286$; $GFI=0,958$; $CFI=0,990$; $TFI=0,988$ và $RMSEA=0,024$. Trọng số tải nhân tố của tất cả các quan sát đều lớn hơn 0,5 và có ý nghĩa thống kê (Bảng 2). Hệ số tương quan giữa các khái niệm nghiên cứu đều khác 1 có ý nghĩa thống kê (bình phương hệ số tương quan lớn nhất < AVE); Tổng phương sai trích và hệ số tin cậy tổng hợp của tất cả các biến thỏa mãn yêu cầu ($CR > 0,5$) (Hình 2 và Bảng 3).

Kết quả SEM cho thấy các chỉ số mô hình thỏa mãn: $\chi^2 [162]=268,135$ ($p = 0,000$), $Cmin/df=1,655 < 2$, $CFI=0,967$, GFI



Nguồn: Trích từ kết quả của AMos 24.

Hình 2: Mô hình CFA tối hạn

Bảng 2: Trọng số hồi quy chưa chuẩn hóa

	Ước lượng	S.E.	C.R.	P Label
CA4 <--- CA	1,000			
CA3 <--- CA	0,996	0,060	16,670	***
CA2 <--- CA	0,817	0,058	14,134	***
CA1 <--- CA	0,822	0,059	14,029	***
OP1 <--- OP	1,000			
OP2 <--- OP	0,846	0,043	19,565	***
OP3 <--- OP	0,819	0,038	21,491	***
OP4 <--- OP	1,067	0,032	32,986	***
RA1 <--- RA	1,000			
RA2 <--- RA	0,966	0,067	14,375	***
RA3 <--- RA	0,889	0,070	12,749	***
RA4 <--- RA	0,931	0,068	13,705	***
IN1 <--- IN	1,000			
IN2 <--- IN	1,142	0,072	15,784	***
IN3 <--- IN	1,126	0,075	14,931	***
IN4 <--- IN	1,033	0,074	13,896	***
IN5 <--- IN	1,016	0,074	13,783	***
FB1 <--- FB	1,000			
FB2 <--- FB	0,972	0,076	12,871	***
FB3 <--- FB	1,075	0,077	13,913	***

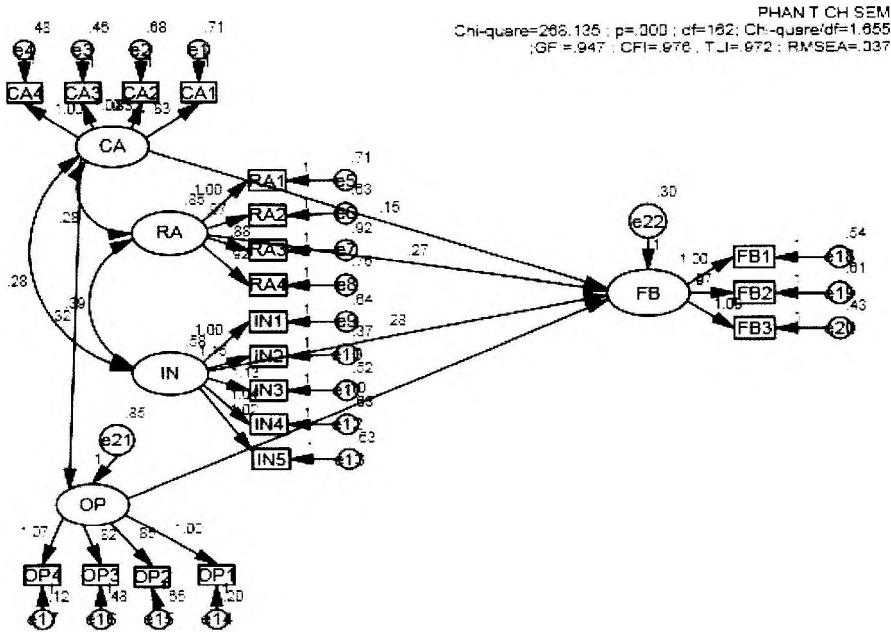
Nguồn: Trích từ kết quả của AMos 24.

Bảng 3: Đo lường giá trị mô hình

	CR	AVE	MSV	MaxR(H)	CA	OP	RA	IN	FB
CA	0,824	0,541	0,179	0,837	0,736				
OP	0,902	0,701	0,185	0,940	0,270***	0,837***			
RA	0,801	0,502	0,350	0,805	0,333***	0,431***	0,708***		
IN	0,856	0,545	0,335	0,864	0,384***	0,365***	0,559***	0,738***	
FB	0,773	0,533	0,350	0,779	0,424***	0,399***	0,592***	0,578***	0,730***

=0,947, TFI=0,972; tất cả đều >0,9 và RMSEA =0,037<0,05 (Hình 3). Như vậy, mô hình thích hợp với dữ liệu của thị trường. Kết quả ước lượng chuẩn hóa các giả thuyết trong mô hình SEM được thể hiện trong Bảng 4. Kết quả cho thấy các giả thuyết đều có ý nghĩa thống kê ở

mức ý nghĩa 5%. Kết quả SEM cho thấy hành vi GLT nhập khẩu bị ảnh hưởng trực tiếp cả bốn nhân tố là khả năng, động cơ, cơ hội và hợp lý hóa hành vi. Ngoài ra hành vi GLT còn bị tác động gián tiếp của nhân tố khả năng thông qua biến trung gian là cơ hội. Kết quả



Nguồn: Trích từ kết quả của AMos 24.

Hình 3: Mô hình SEM

Bảng 4: Kết quả SEM

	Ước lượng chưa chuẩn hóa	Ước lượng chuẩn hóa	S.E	C.R	P
OP <--- CA	0,320	0,298	0,055	5,854	***
FB <--- CA	0,151	0,182	0,047	3,214	0,001
FB <--- OP	0,102	0,032	0,036	2,802	0,005
FB <--- IN	0,282	0,287	0,064	4,413	***
FB <--- RA	0,266	0,328	0,053	4,993	***

Nguồn: Trích từ phân tích Amos 24.

SEM ở Bảng 4 cho thấy, hành vi GLT bị tác động mạnh nhất là động cơ với hệ số là 0,286.

5. Kết luận và hàm ý

5.1. Kết luận

Trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả vận dụng mô hình kim cương đo lường hành vi GLT trong các tổ chức kinh doanh có nhập khẩu hàng hóa. Nghiên cứu thu thập dữ liệu từ

các đối tượng tham gia vào việc thực hiện tờ khai thuế với hàng hóa nhập khẩu tại ba tỉnh Bến tre, Tiền Giang và Long An. Qua phân tích, mô hình SEM ở mức tin cậy 95%. Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi GLT bị ảnh hưởng bởi bốn nhân tố: (i) Khả năng; (ii) Cơ hội; (iii) Động cơ; và (iv) Hợp lý hóa hành vi. Các kết quả này tương ứng với bốn giả thuyết được thỏa mãn là H1, H2, H3, và H4 và bị tác động gián tiếp từ khả năng đến cơ hội (H5).

5.2. Hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi GLT chịu sự tác động của cả bốn nhân tố là: (i) Khả năng; (ii) Cơ hội; (iii) Động cơ; và (iv) Hợp lý hóa hành vi. Từ đó cho thấy cần tác động có chủ đích vào cả bốn nhân tố này nhằm giảm hành vi GLT.

Không tạo điều kiện cho đối tượng có thể thực hiện hành vi sai trái (OP): Các công chức ngành Hải quan cần công bố công khai và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế đầy đủ, chính xác. Các chi tiết như hóa đơn, hợp đồng,... trong đó mã hàng hóa cần chú ý đặc biệt vì liên quan đến số tiền thuế phải nộp. Luật pháp cần phải rõ ràng, minh bạch tránh mù mờ trong cách hiểu. Điều này cũng tạo cơ hội cho việc lách luật.

Giảm thiểu khả năng hợp lý hành vi của đối tượng (RA): Pháp luật phải thực sự nghiêm minh. Các hành vi “lấp liếm” gian lận phải được nghiêm trị. Điều này đặt ra một mức rủi ro rất lớn cho đối tượng dự trù cho hành vi gian lận của họ sẽ “không bị phạt nặng”.

Giảm thiểu động cơ gian lận (MO): Cần tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, cần tôn vinh doanh nghiệp nhất là những tổ chức, doanh nghiệp chấp hành tốt nghĩa vụ thuế. Bởi vì, tổ chức, doanh nghiệp là người hiểu rõ hàng hóa xuất nhập khẩu với mục đích sử dụng là gì? Thuế suất bao nhiêu? Tại sao doanh nghiệp nhập khẩu cùng chủng loại hàng? Tại sao khai báo thuế suất có sự khác biệt?

Giảm thiểu khả năng (hiểu biết) để gian lận (CA): Phân loại đối tượng để thanh tra kiểm tra. Tập trung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có nhiều rủi ro cao về thuế hoặc thiếu độ tín nhiệm, thường xuyên gian lận. Cần nâng cao sự hiểu biết về luật pháp. Chính sự hiểu biết này sẽ ngăn chặn được hành vi tham lam của những người có chút hiểu biết về lĩnh vực thuế, và cũng đặt ra cho họ trách nhiệm đối với xã hội và bản thân.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này thu thập dữ liệu với mẫu thuận tiện là các nhân viên hoặc lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Bến Tre. Đây là nhóm các tỉnh miền Tây Nam Bộ gần Thành phố Hồ Chí Minh nên khả năng tổng quát hóa của nghiên cứu này bị hạn chế. Khả năng tổng quát hóa kết quả nghiên cứu sẽ cao hơn nếu khảo sát ở phạm vi rộng hơn ở các tỉnh khác của Tây Nam Bộ và rộng hơn nữa là ở các khu vực khác trên lãnh thổ Việt Nam (miền Trung, miền Bắc).

Tài liệu tham khảo

- Cressey, D. R. (1953). *Other People's Money*. Montclair, NJ: Patterson Smith.
- Chính phủ (2004). Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25/2/2004 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.
- HILAP (2018). *Những thủ đoạn chủ yếu hiện nay mà các chủ thể nhập khẩu gian lận thuế nhập khẩu*. Truy cập tại <http://dangkythanhlapdoanhnghiep.com/Info/27/27/1562/Nhung-thu-doan-chu-yeu-hien-nay-ma-cac-chu-the-nhap-khau-gian-lan-thue-nhap-khau.aspx>, ngày 17/01/2022.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005). *Phân tích dữ liệu với SPSS*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống Kê.
- Kassem, R. & Higson, A. (2012). The New Fraud Triangle Model. *Journal of Emerging Trends in Economics and Management Sciences*, 3(3), 191-195.
- Lê Xuân Trường & Nguyễn Đình Chiến (2013). Nhận diện các hành vi gian lận thuế. *Tạp chí Tài chính*, số 9.
- Nunnally, J. C. & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric Theory*, 3rd ed. New York: McGraw-Hill
- Nguyen Dinh Tho & Nguyen Thi Mai Trang, 2015. Can knowledge be transferred from usiness school to business organization throught in- service training students? SEM and fs QCA findings. *Journal of Business Research*.
- Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang (2008). *Nghiên cứu khoa học Marketing-Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM*. Hà Nội: Nhà xuất Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Nguyễn Đình Thọ (2013). *Phương pháp nghiên cứu khoa học*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tài Chính.
- Nguyễn Huy Hoàng (2020). *Gian lận, trốn thuế ở các nước đang phát triển - nguyên nhân và giải pháp*. Truy cập tại <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/3325-gian-lan-tron-thue-o-cac-nuoc-dang-phat-trien-nguyen-nhan-va-giai-phap.html>, ngày 17/01/2022.
- Phạm Tiểu Vy (2016). *Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gian lận thuế gia trị gia tăng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Rasha, K. & Andrew, H. (2012). The New Fraud Triangle Model. *Journal of Emerging Trends in Economics and Management Sciences (JETEMS)*, 3(3), 191-195.
- Wolfe, D. T. & Hermanson, D. R. (2004). The fraud diamond: Considering the four elements of fraud. *CPA Journal*, 74(12), 38-42.

Phụ lục: Bảng khảo sát

STT	Nhân tố	Mã hóa	Biến quan sát
1	Khả năng	CA1	Những kiến thức về Hải quan có thể giúp Anh/chị đảm đảm trách về quản lý thuế
2		CA2	Những khóa học về Hải quan giúp cho Anh/chị tự phát triển về khả năng vạch ra kế hoạch cho chính bạn
3		CA3	Những khóa học về Hải quan giúp cho Anh/chị tự phát triển về kỹ năng giải quyết công việc
4		CA4	Bạn đã từng thành công trong việc lảng tránh trách nhiệm đối với cơ quan quản lý thuế
5	Cơ hội	OP1	Không kê khai đúng trị giá tính thuế hoặc mã số hàng hóa nhập để giảm số tiền thuế nhập khẩu phải nộp.
6		OP2	Lợi dụng kẽ hở pháp luật để đóng không đúng với số tiền phải nộp
7		OP3	Công tác quản lý thuế của Hải quan chưa quản lý tốt các khoản thu phải thu của doanh nghiệp
8		OP4	Cơ quan Hải quan chưa thực hiện việc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra sau thông quan việc đối chiếu lượng thực nhập, thực xuất hàng hóa của doanh nghiệp
9	Động cơ	IN1	Anh/chị nghĩ là Anh/chị nộp thuế nhập khẩu quá nhiều
10		IN2	Số tiền gian lận từ Thuế nhập khẩu được dùng vào những việc cần thiết hơn cho doanh nghiệp
11		IN3	Anh/chị cho rằng người khác kê khai không trung thực
12		IN4	Tiền Thuế nhập khẩu thu được, sử dụng kém hiệu quả
13		IN5	GLT thì phổ biến
14	Hợp lý hóa hành vi	RA1	Đã thành công trong việc trốn thuế
15		RA2	Biện pháp chế tài chưa sức răn đe
16		RA3	Mọi người nghĩ rằng GLT là phạm pháp nhưng nguy cơ bị phát hiện là rất thấp
17		RA4	Trốn thuế có thể bị phát hiện khi đó sẽ nộp đủ
18	Hành vi gian lận	FB1	Sẵn sàng thực hiện trốn đóng Thuế khi có cơ hội
19		FB2	Sẵn sàng thực hiện việc trốn đóng Thuế khi hợp lý hóa được hành vi
20		FB3	Sẵn sàng thực hiện trốn đóng Thuế khi mang lại lợi ích.

An Application of Fraud Diamond Theory in Measuring Import Tax Fraud: A Case Study of the Customs Department of Long An Province

Vu Son Tung^(*), Tran Thanh Phong

Received: 17 January 2022 | Revised: 02 May 2022 | Accepted: 10 May 2022

ABSTRACT: The objective of the study is to identify and appraise determinants of import tax fraud in the Customs Department of Long An province. In this study, data was collected from import businesses in Ben Tre, Tien Giang and Long An provinces with a sample of 486. The empirical model has been built based on the fraudulent diamond theory. Using qualitative and quantitative approaches, the results show that all the hypotheses are statistically significant. Based on main findings of this study, we suggest some policy implications the we believe will support the detection of fraudulent behavior.

KEYWORDS: Fraud, customs, import tax, the fraudulent diamond.

JEL classification: M21, G40, M29.

✉ **Vu Son Tung**
Email: tungvs@hiu.vn.

^(*) Hong Bang International University;
215 Dien Bien Phu Street, Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City.